|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT** |  |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên học phần:** | Công nghệ vận tải |
| **Tên tiếng Anh:** | Loading and unloading organization |
| **Số tín chỉ:** | 03 tín chỉ |
| **Mã học phần:** | VKS04.3 |
| **Kết cấu học phần:** |  |
| **Ngành đào tạo:** | Khai thác vận tải |

**1. Thông tin chung về học phần**

* Tên học phần: Công nghệ vận tải
* Mã học phần: VKS04.3
* Ngành/chuyên ngành đào tạo: Vận tải đa phương thức, Điều khiển các quá trình vận tải
* Bậc đào tạo: Đại học Hình thức đào tạo: chính quy tập trung
* Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: Vận tải và kinh tế sắt
* Loại học phần: *Bắt buộc*
* Yêu cầu của học phần:
  + Các học phần tiên quyết: Tên học phần: Nhập môn tổ chức vận tải đường sắt Mã học phần: VKS26.2, Nhập môn tổ chức vận tải ô tô Mã học phần: VTO02.2….
  + Các học phần học trước: Tên học phần: Phương tiện vận tải, Mã học phần: CK031.2……
  + Các học phần học song hành: Tên học phần: Tổ chức khai thác đội tàu. Mã học phần: VTO21.3…
  + Các yêu cầu khác đối với học phần *(nếu có)*: projector, loa,…
* Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động (tiết học tín chỉ):

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lý thuyết | Thảo luận | Bài tập | Bài tập lớn | Thực hành | Thí nghiệm | Tự học |
| 30 | 15 | 15 |  |  |  |  |

**2. Mục tiêu của học phần**

*2.1. Kiến thức*

Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về xây dựng và phát triển công nghệ vận tải.

*2.2. Kỹ năng*

Giúp người học có thể nhận biết, phân tích, đánh giá và lựa chọn loại công nghệ trong khai thác vận tải đường sắt, đường bộ, đường hàng không….

**3. Tóm tắt nội dung học phần (bằng tiếng Việt và tiếng Anh)**

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về khái niệm, phân loại các công nghệ, chuyển giao và đổi mới công nghệ, lựa chọn và đánh giá các công nghệ đó. Từ đó có thể sử dụng trong khai thác vận tải có hiệu quả nhất.

**4. Nội dung chi tiết học phần (tên các chương, mục)**

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về công nghệ

Chương 2: Chuyển giao công nghệ

Chương 3: Quản lý công nghệ

Chương 4: Công nghệ vận tải đường sắt

Chương 5: Công nghệ vận tải hàng không

**5. Thông tin về giảng viên**

* Họ và tên giảng viên phụ trách học phần thứ nhất:
  + Chức danh, học hàm, học vị: GS.TSKH. Nguyễn Hữu Hà
  + Thời gian, địa điểm làm việc:
  + Địa chỉ liên hệ: P505 A9 - Đại học GTVT - số 3 - Cầu Giấy – Láng Thượng - Đống Đa – Hà Nội
  + Điện thoại: 0913036694 email:
* Họ và tên giảng viên phụ trách học phần thứ hai:
  + Chức danh, học hàm, học vị: ThS. Vương Thị Hương Thu
  + Thời gian, địa điểm làm việc:
  + Địa chỉ liên hệ: P505 A9 - Đại học GTVT - số 3 - Cầu Giấy – Láng Thượng - Đống Đa – Hà Nội
  + Điện thoại: 0904647594 email:

- Các giảng viên khác phụ trách học phần: ThS. Nguyễn Tiến Quý và các giảng viên khác của bộ môn.

**6. Học liệu:** *(giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)*

*6.1. Giáo trình/Bài giảng*

- Tổ chức chạy tàu trên đường sắt tập 1,2 – Nguyễn Văn Thái -1996

*6.2. Danh mục tài liệu tham khảo ghi theo thứ tự ưu tiên*

- -Quản lý công nghệ - Nguyễn Đăng Dậu, Nguyễn Xuân Tài – ĐH Kinh tế quốc dân -2012

**7. Hình thức tổ chức dạy và học**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thứ tự chương mục | Nội dung | HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY - HỌC | | | | | | |
| Giờ lên lớp | | |  | | | |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành, thực tập | Thí nghiệm | Tự học, tự nghiên cứu | |
|  | ***Bài mở đầu*** |  |  |  |  |  |  | |
| **Chương 1** | **Những vấn đề cơ bản về công nghệ** | **05** | **03** | **03** |  |  |  | |
| 1.1 | Khái niệm và phân loại công nghệ | 1 |  |  |  |  |  | |
| 1.2 | Các nhân tố ảnh hưởng đến công nghệ và đổi mới công nghệ | 1 |  | 1 |  |  |  | |
| 1.3 | Cấu trúc hạ tầng công nghệ | 1 |  | 1 |  |  |  |  |
| 1.4 | Đánh giá công nghệ trong phát triển và sản xuất kinh doanh | 1 | 3 | 1 |  |  |  |  |
| 1.5 | Công nghệ và phát triển kinh tế xã hội | 1 |  |  |  |  |  |  |
| **Chương 2** | **Chuyển giao công nghệ** | **04** |  | **04** |  |  |  |  |
| 2.1 | Khái niệm về chuyển giao công nghệ và nguồn gốc chuyển giao công nghệ | 1 |  |  |  |  |  | *15* |
| 2.2 | Thị trường và cơ chế chuyển giao công nghệ | 1 |  | 2 |  |  |  |  |
| 2.3 | Tổ chức thực hiện chuyển giao công nghệ |  | 2 |  |  |  |  |
| 2.4 | Các quan điểm về chuyển giao công nghệ | 1 |  |  |  |  |  |  |
| **Chương 3** | **Quản lý công nghệ** | **04** | **03** | **03** |  |  |  |  |
| 3.1 | Vấn đề chung về quản lý công nghệ | 1 |  |  |  |  |  |  |
| 3.2 | Công nghệ thích hợp | 1 |  | 1 |  |  |  |  |
| 3.3 | Đánh giá công nghệ | 1 | 3 | 1 |  |  |  |  |
| 3.4 | Phân tích năng lực công nghệ | 1 |  | 1 |  |  |  |  |
| **Chương 4** | **Công nghệ vận tải đường sắt** | **10** | **04** | **03** |  |  |  |  |
| 4.1 | Khái quát và đặc điểm công nghệ vận tải đường sắt | 1 |  |  |  |  |  |  |
| 4.2 | Cơ cấu tổ chức ngành đường sắt Việt Nam hiện nay | 1 |  |  |  |  |  |  |
| 4.4 | Khái quát về công nghệ vận tải ở nhà ga | 2 |  | 1 |  |  |  |  |
| 4.5 | Công nghệ vận tải ở ga xếp hàng, dỡ hàng | 2 | 3 |  |  |  |  |  |
| 4.6 | Công nghệ vận tải ở ga dọc đường | 1 |  | 1 |  |  |  |  |
| 4.7 | Công nghệ vận tải ở ga kỹ thuật tàu hàng | 1 | 1 |  |  |  |  |  |
| 4.8 | Công nghệ vận tải ở ga hành khách | 1 |  | 1 |  |  |  |  |
| 4.9 | Công nghệ vận tải ở ga kỹ thuật tàu khách | 1 |  |  |  |  |  |  |
| **Chương 5** | **Công nghệ vận tải hàng không** | **07** |  | **07** |  |  |  |  |
| 5.1 | Khái quát chung về công nghệ khai thác Cảng HKSB | 1 |  |  |  |  |  |  |
| 5.2 | Công suất của Cảng HKSB | 1 |  |  |  |  |  |  |
| 5.3 | Công nghệ vận tải ở ga hành khách tại Cảng HKSB | 1 |  |  |  |  |  |  |
| 5.4 | Công nghệ khai thác khu bay tại Cảng HKSB | 1 |  |  |  |  |  |  |
| 5.5 | Công nghệ vận tải ở ga hàng hoá tại Cảng HKSB | 1 |  |  |  |  |  |  |
| 5.6 | Công nghệ giải quyết khẩn nguy sân bay | 1 |  |  |  |  |  |  |
| 5.7 | An ninh hàng không tại cảng HKSB | 1 |  |  |  |  |  |  |
| **Cộng** |  | **30** | **10** | **20** |  |  |  |  |

**8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần**

Áp dụng thang điểm 10, phân chia các mục tiêu cho từng hình thức kiểm tra – đánh giá, bao gồm các phần sau *(trọng số của từng phần do giảng viên đề xuất, Trưởng bộ môn thông qua)*:

8.1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên: Thang điểm: 10/ Tỷ trọng 15%

* Đi học đầy đủ, đúng giờ 10%
* Chuẩn bị tốt phần tự học 5%

8.2. Kiểm tra - đánh giá định kỳ (tỷ trọng 15%)

1. Kiểm tra giữa kỳ
   1. Hình thức: : Bài kiểm tra
   2. Điểm và tỷ trọng: Thang điểm: 10/ Tỷ trọng … %
2. Thí nghiệm, bài tập lớn, thảo luận, thực hành
   1. Hình thức: ….. (VD: báo cáo bài tập lớn)
   2. Điểm và tỷ trọng: Thang điểm: 10/ Tỷ trọng … %
3. Thi kết thúc học phần ( 70%)
   1. Hình thức: Thi viết
   2. Điểm và tỷ trọng: Thang điểm: 10/ Tỷ trọng …. %

**Duyệt**

**Hiệu trưởng Trưởng khoa** **Trưởng bộ môn**

*(Ký tên) (Ký tên)*  *(Ký tên)*